CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 301/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

Điều 1. Bổ sung các điểm r, s, t, u và điểm v vào sau điểm q khoản 3 Điều 4 như sau:

"r) Buộc trang bị đầy đủ thiết bị thông tin liên lạc trên tàu cá;

s) Buộc khắc phục lỗi kỹ thuật của thiết bị giám sát hành trình tàu cá;

t) Buộc khắc phục sự cố tín hiệu thiết bị giám sát hành trình tàu cá;

u) Buộc gửi đầy đủ dữ liệu giám sát hành trình tàu cá đến Hệ thống giám sát tàu cá;

v) Buộc chủ tàu cá lắp thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá.".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 như sau:

"4. Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điều 20; các khoản 4, 5, 6, 7 Điều 21; các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 23; khoản 3, điểm a, điểm c khoản 5, khoản 6 Điều 35 Nghị định này được thực hiện như sau:

a) Trường hợp chủ tàu cá không đồng thời là thuyền trưởng tàu cá thì từng đối tượng vi phạm đều bị áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả quy định tương ứng đối với đối tượng và hành vi vi phạm hành chính đó;

b) Trường hợp chủ tàu cá đồng thời là thuyền trưởng tàu cá thì chỉ áp dụng hình thức xử phạt chính đối với chủ tàu cá và áp dụng đầy đủ các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả quy định đối với hành vi vi phạm hành chính đó.".

Điều 3. Bổ sung các khoản 9, 10, 11 và 12 vào sau khoản 8 Điều 5 như sau:

"9. Căn cứ để xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định này (trừ trường hợp bị bắt giữ, xử lý tại vùng biển chồng lấn, chưa phân định, vùng nước lịch sử giữa Việt Nam và quốc gia, vùng lãnh thổ khác) gồm một trong các tài liệu sau:

a) Bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quốc gia bắt giữ, xử lý đối với hành vi khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định;

b) Văn bản xác nhận của Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài về việc tàu cá, ngư dân Việt Nam bị nước ngoài bắt giữ, xử lý do khai thác thủy sản trái phép tại vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác. Văn bản xác nhận gồm các thông tin chủ yếu sau: toạ độ vị trí tàu cá vi phạm; số đăng ký tàu cá; hành vi vi phạm bị xử lý; họ tên, thông tin về thuyền trưởng và các thuyền viên; họ tên, thông tin về chủ tàu cá (nếu có); các thông tin, tài liệu, hình ảnh khác có liên quan.".

10. Trường hợp thiết bị giám sát hành trình tàu cá mất kết nối tín hiệu nhiều lần trong cùng một chuyến biển mà chủ tàu, thuyền trưởng không thực hiện đúng quy định báo cáo vị trí về bờ trong 06 giờ mỗi lần thì xử phạt hành vi vi phạm tương ứng quy định tại điểm a khoản 3, điểm a khoản 6 Điều 35 và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần.

11. Trong quá trình xác minh, xử lý vụ việc nếu phát hiện hành vi tháo gỡ, tàng trữ, vận chuyển trái phép từ 02 thiết bị giám sát hành trình của tàu cá khác trở lên thì chuyển hồ sơ vụ việc đến cơ quan có thẩm quyền để điều tra, xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

12. Phân định trách nhiệm xác minh, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm gắn với phương tiện vi phạm là tàu cá được áp dụng theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp tàu cá đang hoạt động trên biển, cơ quan có thẩm quyền, lực lượng thực thi pháp luật nào phát hiện, bắt giữ tàu cá, thụ lý đầu tiên thì lực lượng đó có trách nhiệm chủ trì xác minh, xử lý, đồng thời thông tin đến cơ quan quản lý nhà nước về thuỷ sản của địa phương nơi đăng ký tàu cá về việc thụ lý, xử lý hành vi vi phạm;

b) Trường hợp tàu cá đã về bờ, cơ quan có thẩm quyền, lực lượng thực thi pháp luật của địa phương nơi tàu cá đó neo đậu có trách nhiệm chủ trì xác minh,

xử lý, đồng thời thông tin đến cơ quan quản lý nhà nước về thuỷ sản của địa phương nơi đăng ký tàu cá về việc thụ lý, xử lý hành vi vi phạm.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“**Điều 20. Vi phạm nghiêm trọng trong khai thác thủy sản**

1. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với chủ tàu cá vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét khai thác thủy sản trên biển không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép khai thác thủy sản đã hết hạn;

b) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên để thăm dò, tìm kiếm, dẫn dụ, vận chuyển thủy sản, sản phẩm thủy sản cho tàu cá không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép khai thác thuỷ sản hết hạn;

c) Không duy trì việc truyền thông tin từ thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá về hệ thống giám sát tàu cá theo quy định khi hoạt động đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên;

d) Vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá khi hoạt động đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên;

đ) Không có thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá khi hoạt động đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên;

e) Không có nhật ký khai thác thủy sản, nhật ký thu mua chuyển tải thủy sản đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần;

g) Không duy trì việc truyền thông tin từ thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá về hệ thống giám sát tàu cá theo quy định khi hoạt động đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần;

h) Vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá khi hoạt động đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần;

i) Không có thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá khi hoạt động đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần.

2. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng đối với chủ tàu cá vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét khai thác thủy sản trên biển không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép khai

thác thủy sản đã hết hạn trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần;

b) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên để chuyển tải thủy sản, sản phẩm thủy sản từ tàu cá không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép khai thác thủy sản hết hạn hoặc hỗ trợ hoạt động thăm dò, tìm kiếm, dẫn dụ, vận chuyển thủy sản cho tàu cá được xác định có hành vi khai thác thủy sản bất hợp pháp trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần;

c) Không duy trì việc truyền thông tin từ thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá về hệ thống giám sát tàu cá theo quy định khi hoạt động đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần;

d) Vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá khi hoạt động đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần;

đ) Không có thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá khi hoạt động đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần;

e) Che giấu, giả mạo hoặc hủy chứng cứ vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

g) Khai thác thủy sản quá hạn mức do Tổ chức nghề cá khu vực cấp phép.

3. Phạt tiền từ 800.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với chủ tàu cá vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên khai thác thủy sản trên biển không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép khai thác thủy sản đã hết hạn;

b) Khai thác thủy sản tại vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc quyền quản lý của Tổ chức nghề cá khu vực mà không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép khai thác thủy sản hết hạn hoặc không có giấy chấp thuận hoặc giấy chấp thuận hết hạn;

c) Sử dụng tàu cá nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam mà không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép khai thác thủy sản hết hạn;

d) Sử dụng tàu cá không quốc tịch hoặc mang quốc tịch của quốc gia không phải thành viên để khai thác thủy sản trái phép trong vùng biển thuộc quyền quản lý của Tổ chức nghề cá khu vực;

đ) Sử dụng tàu cá để khai thác thủy sản không theo quy định về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong vùng biển quốc tế không thuộc quyền quản lý

của Tổ chức nghề cá khu vực;

e) Khai thác thủy sản không đúng quy định tại vùng biển thuộc quyền quản lý của Tổ chức nghề cá khu vực;

g) Che giấu, giả mạo hoặc hủy chứng cứ vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong trường hợp tái phạm;

h) Khai thác thủy sản quá hạn mức do Tổ chức nghề cá khu vực cấp phép trong trường hợp tái phạm.

4. Phạt tiền đối với thuyền trưởng tàu cá vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Phạt tiền bằng mức phạt tiền chủ tàu cá đối với hành vi quy định tại điểm c, d, đ, g, h, i khoản 1, điểm c, d, đ khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này.

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại điểm a, điểm b và điểm e khoản 1 Điều này;

c) Phạt tiền từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại điểm a, b, e, g khoản 2 Điều này;

d) Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại điểm a, d, đ, e, g, h khoản 3 Điều này.

đ) Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng đối với hành vi không ghi nhật ký khai thác thủy sản hoặc ghi không chính xác so với yêu cầu của Tổ chức nghề cá khu vực hoặc báo cáo sai quy định của Tổ chức nghề cá khu vực khi hoạt động khai thác thủy sản trong vùng biển thuộc quyền quản lý của Tổ chức nghề cá khu vực.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu thủy sản khai thác đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b, e, g, h, i khoản 1, các điểm a, b, c, d, đ và g khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu tàu cá đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm c, d, g, h khoản 1, điểm c và điểm d khoản 2 và khoản 4 Điều này;

d) Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 2, điểm d và điểm e khoản 3 Điều này. Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản từ 12 tháng đến 16 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc chủ tàu cá chi trả kinh phí đưa công dân Việt Nam bị cơ quan có

thẩm quyền nước ngoài bắt giữ, xử lý về nước đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

b) Buộc chủ tàu cá lắp thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ, điểm i khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều này.".

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

"**Điều 21. Vi phạm quy định về vùng khai thác thủy sản**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với thuyền trưởng có hành vi sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét khai thác thủy sản tại vùng ven bờ của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác, trừ trường hợp có thỏa thuận của Ủy ban nhân dân hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với thuyền trưởng có hành vi sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét khai thác thủy sản tại vùng lộng hoặc vùng khơi.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với thuyền trưởng có hành vi sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét khai thác thủy sản tại vùng ven bờ hoặc vùng khơi.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với chủ tàu cá và thuyền trưởng có hành vi sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét khai thác thủy sản tại vùng ven bờ hoặc vùng lộng.

5. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với chủ tàu cá và thuyền trưởng có hành vi sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên khai thác thủy sản tại vùng ven bờ hoặc vùng lộng.

6. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt quy định từ khoản 2 đến khoản 5 Điều này đối với hành vi sử dụng tàu cá làm nghề lưới kéo, nghề và ngư cụ kết hợp ánh sáng (trừ nghề câu mực) khai thác thủy sản tại vùng ven bờ.

7. Phạt tiền chủ tàu cá và thuyền trưởng đối với hành vi sử dụng tàu cá vượt qua vùng được phép khai thác thủy sản trên biển mà không có văn bản chấp thuận theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét;

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với trường

hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu thủy sản khai thác đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều này;

b) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều này;

d) Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thuỷ sản từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này.".

Điều 6. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 4 Điều 22 như sau:

"c) Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thuỷ sản từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.".

Điều 7. Bổ sung cụm từ vào mũ khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 5 Điều 23 như sau:

1. Bổ sung cụm từ "chủ tàu cá và thuyền trưởng tàu cá khi thực hiện" vào sau cụm từ "đối với" tại mũ khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 23.

2. Bổ sung điểm d sau điểm c khoản 5 Điều 23 như sau:

"d) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác thuỷ sản từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này.".

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 25 như sau:

"5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thuỷ sản từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.".

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

"**Điều 35. Vi phạm quy định về thiết bị thông tin liên lạc, thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với chủ tàu cá có hành vi tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá khi tàu cá không hoạt động trên biển mà không được giám sát theo quy định.

2. Phạt tiền chủ tàu cá có hành vi không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ thiết bị thông tin liên lạc tàu cá theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

3. Phạt tiền chủ tàu cá và thuyền trưởng vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện báo cáo vị trí về bờ trong 06 giờ mỗi lần trong trường hợp thiết bị giám sát hành trình bị hỏng hoặc không truyền được thông tin, dữ liệu từ tàu cá về Hệ thống giám sát tàu cá khi đang hoạt động đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

b) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không đưa tàu về cảng trong 10 ngày kể từ khi thiết bị giám sát hành trình tàu cá bị hỏng để sửa chữa đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét (trừ trường hợp trong 10 ngày thiết bị giám sát hành trình tàu cá đã truyền được thông tin, dữ liệu về Hệ thống giám sát tàu cá, chủ tàu, thuyền trưởng báo cáo vị trí đầy đủ theo quy định).

4. Phạt tiền đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Không báo cáo hoặc báo cáo không đúng về việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá hoặc không báo cáo bằng văn bản trước khi cung cấp thiết bị giám sát hành trình cho cơ quan quản lý theo quy định;

b) Không thực hiện kẹp chì khi lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá theo quy định hoặc không thông báo mẫu kẹp chì cho cơ quan quản lý theo quy định hoặc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá không đúng quy định;

c) Không bảo mật dữ liệu giám sát hành trình tàu cá theo quy định;

d) Cập nhật không chính xác thông tin về tàu, chủ tàu, mã thiết bị giám sát tàu cá vào phần mềm giám sát tàu cá theo quy định;

đ) Thay thế kẹp chì thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá mà không báo cáo cơ quan chức năng;

e) Không phối hợp trong quá trình xử lý vi phạm khi có yêu cầu của cơ

quan có thẩm quyền.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá khi tàu cá hoạt động trên biển mà không được giám sát theo quy định mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Tàng trữ hoặc vận chuyển trái phép thiết bị giám sát hành trình của tàu cá khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Gửi trái phép thiết bị giám sát hành trình của tàu cá.

6. Phạt tiền chủ tàu cá và thuyền trưởng vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện báo cáo vị trí về bờ trong 06 giờ mỗi lần trong trường hợp thiết bị giám sát hành trình bị hỏng hoặc không truyền được thông tin, dữ liệu từ tàu cá về Hệ thống giám sát tàu cá khi đang hoạt động đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên;

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì việc truyền thông tin từ thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá về Hệ thống giám sát tàu cá theo quy định khi hoạt động đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

c) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá khi hoạt động đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi không có thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá khi hoạt động đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

đ) Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi không đưa tàu về cảng trong 10 ngày kể từ khi thiết bị giám sát hành trình tàu cá bị hỏng để sửa chữa đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên (trừ trường hợp trong 10 ngày thiết bị giám sát hành trình tàu cá đã truyền được thông tin, dữ liệu về Hệ thống giám sát tàu cá, chủ tàu, thuyền trưởng báo cáo vị trí đầy đủ theo quy định).

7. Phạt tiền đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về việc khắc phục sự cố tín hiệu thiết bị giám sát tàu cá do đơn vị mình cung cấp;

b) Cung cấp thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá không đảm bảo

yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

c) Không gửi hoặc gửi không đầy đủ dữ liệu giám sát hành trình tàu cá chưa gửi được đến Trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá thuộc cơ quan quản lý nhà nước về thuỷ sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3, 5 và 6 Điều này.

b) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác thuỷ sản từ 10 tháng đến 14 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.”

9. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc trang bị đầy đủ thiết bị thông tin liên lạc tàu cá đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc khắc phục sự cố tín hiệu của thiết bị giám sát hành trình tàu cá đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;

c) Buộc gửi đầy đủ dữ liệu giám sát hành trình tàu cá đến Hệ thống giám sát tàu cá đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 7 Điều này;

d) Buộc chủ tàu cá lắp thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 6 Điều này.”

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

“**Điều 36. Vi phạm quy định về đánh dấu tàu cá**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với chủ tàu cá có hành vi không đánh dấu nhận biết tàu cá hoặc đánh dấu sai quy định trong trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với chủ tàu cá có hành vi không đánh dấu nhận biết tàu cá hoặc đánh dấu sai quy định trong trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét để khai thác thủy sản.

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với chủ tàu cá có hành vi không đánh dấu nhận biết tàu cá hoặc đánh dấu sai quy định trong trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét để khai thác thủy sản.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với chủ tàu cá có hành vi không đánh dấu nhận biết tàu cá hoặc đánh dấu sai quy định trong trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên để khai thác thủy sản.”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 37 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 37 như sau:

"2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với chủ tàu cá có hành vi viết số đăng ký tàu cá không đúng quy định.".

2. Bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6 Điều 37 như sau:

"6a. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với chủ tàu cá có hành vi không viết số đăng ký tàu cá hoặc viết số đăng ký tàu cá không đúng số tàu cá do cơ quan có thẩm quyền cấp.".

Điều 12. Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 39.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 39 như sau:

"4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Lấn chiếm vùng đất, vùng nước, công trình cảng cá;

b) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên không cập cảng cá có tên trong Danh sách cảng cá chỉ định cho tàu cá hoạt động vùng khơi cập cảng để bốc dỡ thủy sản.".

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 41 như sau:

"3. Phạt tiền đối với hành vi thu gom, mua, bán, tàng trữ, sơ chế, chế biến thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp; thu gom, mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sơ chế, chế biến loài thuỷ sản không có tên trong danh mục được phép kinh doanh tại Việt Nam như sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản dưới 200 kg;

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 200 kg đến dưới 500 kg;

c) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 500 kg đến dưới 1.000 kg;

d) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 1.000 kg trở lên.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu loài thủy sản, sản phẩm thủy sản và bộ phận của loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này. Tịch thu thuỷ sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với tổ chức vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi thu gom, tàng trữ thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp hoặc loài thuỷ sản không có tên trong danh mục được phép kinh doanh tại Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.".

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 42 như sau:

"a) Không gửi giấy tờ để phục vụ thanh tra, kiểm tra hoặc không thực hiện khai báo hoặc gửi thông tin không đúng theo quy định đối với thuỷ sản nhập khẩu có nguồn gốc từ khai thác được vận chuyển bằng tàu công ten nơ;".

Điều 16. Bãi bỏ khoản 4 Điều 42.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau:

"**Điều 45. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính**

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các Điều 46, 46a, 47, 48, 49, 50, 51, 53 và 54 Nghị định này có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại Nghị định này.

2. Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân trong các cơ quan được quy định tại các Điều 47, 48 và 49 Nghị định này đang thi hành công vụ, nhiệm vụ; công chức, viên chức thuộc các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản đang thi hành công vụ, nhiệm vụ.".

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều 46 như sau:

"**Điều 46. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã) có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

Điều 19. Bổ sung Điều 46a vào sau Điều 46 như sau:

"**Điều 46a. Thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực và một số chức danh khác**

1. Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ, Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ thuộc Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực chăn nuôi, thú y, quản lý chất lượng nông lâm, thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trưởng đoàn kiểm tra Cục Thuỷ sản và Kiểm ngư, Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y, Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 800.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y, Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, Trưởng đoàn kiểm tra của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 47 như sau:

"**Điều 47. Thẩm quyền của Công an nhân dân**

"1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 200.000.000 đồng.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội có quyền:

a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 400.000.000 đồng.

3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Thủy đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:

a) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 600.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và e khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh nội địa; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Hồ sơ nghiệp vụ; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh nội địa, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại, Trưởng phòng Hồ sơ nghiệp vụ, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt tiền đến 800.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục trưởng Cục

Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng, Cục trưởng Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.”.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Điều 48 như sau:

“**Điều 48. Thẩm quyền của Bộ đội Biên phòng**

1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 200.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

a) Phạt tiền đến 150.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 300.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 600.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.”.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Điều 49 như sau:

“**Điều 49. Thẩm quyền của Cảnh sát biển**

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 200.000.000 đồng

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 400.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 600.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ, e và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ, e và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 800.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 như sau:

"Điều 50. Thẩm quyền của Hải quan

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng.

2. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:

a) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 600.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau:

"**Điều 51. Thẩm quyền của Quản lý thị trường**

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 200.000.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:

a) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 600.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

Điều 25. Bãi bỏ Điều 52.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 như sau:

"**Điều 53. Thẩm quyền của Kiểm ngư**

1. Kiểm ngư viên đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng.

2. Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư vùng có quyền:

a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 400.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, đ, e, h và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng thuộc Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực thủy sản, kiểm ngư thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều 54 như sau:

"**Điều 54. Thẩm quyền của Kiểm lâm**

1. Kiểm lâm viên đang thi hành công vụ có quyền

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng.

2. Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm có quyền:

a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 400.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ, e, h và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm; Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng có quyền:

a) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 600.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ, e, h, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng, Đội trưởng Đội Kiểm lâm đặc nhiệm thuộc Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực lâm nghiệp, kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều 55 như sau:

"Điều 55. Phân định thẩm quyền xử phạt

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; khoản 1 Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 41; khoản 1, khoản 2, khoản 3, các điểm a, b, c khoản 5, các điểm a, b, c khoản 6 Điều 42; Điều 43 và Điều 44 theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực và một số chức danh khác

a) Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ, Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ thuộc Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 41; các điểm a, b, c khoản 5, các điểm a, b, c khoản 6 Điều 42; khoản 1 Điều 43 và Điều 44 theo thẩm quyền được giao tại khoản 1 Điều 46a Nghị định này và chức năng nhiệm vụ được giao.

b) Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực chăn nuôi, thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm a, b, c khoản 5, các điểm a, b, c khoản 6 Điều 42; Điều 43 và

Điều 44 theo thẩm quyền được giao tại khoản 1 Điều 46a Nghị định này và chức năng nhiệm vụ được giao.

c) Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản, thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 41; các điểm a, b, c khoản 5, các điểm a, b, c khoản 6 Điều 42; Điều 43 và Điều 44 theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 46a Nghị định này và chức năng nhiệm vụ được giao.

d) Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; các khoản 1 và 4 Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 41; các điểm a, b, c và d khoản 5, các điểm a, b, c và d khoản 6 Điều 42; Điều 43 và Điều 44 theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 46a Nghị định này và chức năng nhiệm vụ được giao.

đ) Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trưởng đoàn kiểm tra Cục Thuỷ sản và Kiểm ngư xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; các khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 41; các điểm a, b, c và d khoản 5, các điểm a, b, c và d khoản 6 Điều 42; Điều 43 và Điều 44 theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 46a Nghị định này Nghị định này và chức năng nhiệm vụ được giao.

e) Trưởng đoàn kiểm tra của Bộ Nông nghiệp và Môi trường xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này và chức năng nhiệm vụ được giao.

g) Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 42; khoản 2 Điều 43 và khoản 1 Điều 44 theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 46a Nghị định này và chức năng nhiệm vụ được giao.

h) Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 41; Điều 42; khoản 2 Điều 43 và khoản 1 Điều 44 theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 46a Nghị định này và chức năng nhiệm vụ được giao.

4. Công an nhân dân xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 18; Điều 19; Điều 21; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 33; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 41; Điều 42; Điều 43 và Điều 44 theo thẩm quyền quy định tại Điều 47 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Bộ đội Biên phòng xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 11; khoản 3 Điều 13; khoản 1 Điều 14; Điều 18; Điều 20; Điều 21; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 32; Điều 33; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 41; Điều 42; Điều 43 và Điều 44 theo thẩm quyền quy định tại Điều 48 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Cảnh sát biển xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 20; Điều 21; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 33; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 41; Điều 42; Điều 43 và Điều 44 theo thẩm quyền quy định tại Điều 49 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Hải quan xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 11; các khoản 3, 4 và 5 Điều 15; Điều 18; Điều 32; Điều 42 và khoản 1 Điều 44 theo thẩm quyền quy định tại Điều 50 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ được giao.

8. Quản lý thị trường xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 15; Điều 18; khoản 2 Điều 28; Điều 32; Điều 41; Điều 42; Điều 43 và khoản 1 Điều 44 theo thẩm quyền quy định tại Điều 51 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ được giao.

9. Kiểm ngư xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 33; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 41; Điều 42; Điều 43 và Điều 44 theo thẩm quyền quy định tại Điều 53 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ được giao.

10. Kiểm lâm xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 23 và Điều 43 theo thẩm quyền quy định tại Điều 54 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ được giao.”.

Điều 29. Bổ sung Điều 58a vào sau Điều 58 như sau:

“Điều 58a. Xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử

Việc xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này trên môi trường điện tử được áp dụng theo quy định tại Điều 28a và Điều 28b Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ).".

Điều 30. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 11 năm 2025.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CHÍNH PHỦ NƯỚC

Trần Hồng Hà